

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM**

**HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: **34/2018/HNGĐ-ST**

Ngày **21/6/2018**

Về việc “*Tranh chấp ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Bá Kha**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Ngọc Chúc**

2. Ông **Từ Tứ Hải**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Cẩm Ni** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2018/TLST- HNGĐ ngày 02/3/2018 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/6/2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh **Danh T** – sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 288, tổ 11, ấp Trần Nghĩa, xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

* *Bị đơn:* **Nguyễn Thị Mỹ H** – sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Kinh 7B, xã Thạnh Đông A, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa anh Danh T trình bày:* Anh T và chị H chung sống với nhau năm 2016 có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bàn T Đ, huyện G R, tỉnh Kiên Giang 06/5/2016. Trước khi chung sống vợ chồng không có tìm hiểu nhau trước mà do mai mối, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 8 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột, khi ra đi khỏi nhà anh T, thì chị H nói dối là đi mua đồ nhưng thực ra từ đó đến nay chị H không trở về anh tình nữa và cũng luôn tránh mặt anh T, anh T có đến nhà cha mẹ vợ tìm và hỏi nhiều lần nhưng không gặp được chị H, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng. Nay anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể chung sống với nhau được nữa. Vợ chồng anh đã ly thân từ tháng 8 năm 2016 đến nay.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung:

- Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có.

Nay tại Tòa án anh T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Danh T yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ H.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Do chị Nguyễn Thị Mỹ H đã được Tòa án triệu tập nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên chị H không có bản tự khai và lời trình bày tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Chị Nguyễn Thị Mỹ H với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay chị H vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự “Tòa án triệu hợp lệ đến lần thứ hai bị đơn vắng mặt thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ”. Xét thấy chị H đã được tổng đạt, thông báo hợp lệ theo Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự; cụ thể theo phương thức niêm yết công khai. Nhưng chị H vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị H là phù hợp với pháp luật.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét mối quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H là hôn nhân hợp pháp, vì anh chị chung sống với nhau vào năm 2016 sau đó có đăng ký kết hôn tại UBND xã B T Đ, huyện G R, tỉnh Kiên Giang 06/5/2016 theo đúng quy định của pháp luật. Phù hợp với Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi bổ sung năm 2010 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu xin được ly hôn của anh T là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì vợ chồng anh chị chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, đến khoảng tháng 8 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, anh T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H tự ý bỏ nhà ra đi không trở về mặc dù anh T nhiều lần đến nhà cha mẹ vợ nhưng chị H vẫn không cho anh T gặp mặt, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay anh T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể chung sống với nhau được nữa. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của anh T, cho anh T được ly hôn với chị H là phù hợp với pháp luật.

[4] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị không có con chung, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa miễn xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa miễn xét.

[6] Về án phí HNST: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc anh Danh T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0007843 ngày 02/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Danh T đối với chị Nguyễn Thị Mỹ H. Cho anh Danh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ H.

2. Về quan hệ con chung: Không có con chung, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa miễn xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Tòa miễn xét.

3. Về án phí HNST: Buộc anh Danh T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0007843 ngày 02/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho anh Danh T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với chị Nguyễn Thị Mỹ H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Bàn Định, huyện Giồng Riềng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Bá Kha